TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/DS-ST
Ngày: 04/9/2025.
V/v "Tranh chấp Hợp đồng dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Việt Phương, ông Nguyễn Văn Đoàn.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân khu vực 10, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân khu vực 10, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 19/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 về *"Tranh chấp hợp đồng dân sự"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-DS ngày 13/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần S1 TIỀN CÓ NGAY. Mã số doanh nghiệp: 2901807716, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2015; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/3/2024. Đại diện theo Pháp luật: Ông T vikavee kachaphas, chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ trụ sở chính: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là số A N, phường T, tỉnh Nghệ An). Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1. (Theo Giấy ủy quyền số 446/2024/UQ-SVN ngày 15/3/2024) và ông Bế Văn K, sinh ngày 10/6/1992, CCCD số 030092007840. Nơi cư trú: Thôn T, phường N, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền số 440/2024/UQ-SVN ngày 01/7/2024 của ông T vikavee kachaphas, chức vụ: Giám đốc).

- *Bị đơn:* Anh Trần Xuân H, sinh ngày 01/5/1989. CCCD số 022089005456. Nơi cư trú: Số nhà B phố Y, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. (nay là số nhà B phố Y, xã P, thành phố Hải Phòng.

(Ông Bế Văn K, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Xuân H đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Bế Văn K trình bày:*

Ngày 07/02/2024, anh Trần Xuân H có viết Giấy bán xe cho Công ty S1 01 xe mô tô BKS 34L1-03487 nhãn hiệu HONDA, loại SH với giá 39.847.000 đồng. Cũng trong ngày 07/02/2024, anh Trần Xuân H và Công ty S1 có ký kết hợp đồng mua bán xe có nội dung: SAWAD cho anh H mua lại chiếc xe mô tô BKS 34L1-03487 nhãn hiệu HONDA, loại SH với giá 87.603.080,79 đồng, thời hạn trả trong 18 tháng, mỗi tháng trả 4.866.837,82 đồng vào ngày 07 hàng tháng. Trường hợp anh H không trả đúng hạn thì mỗi tháng anh H phải trả phí yêu cầu thanh toán là 4% trên số dư nợ chưa trả. Giữa SAWAD và anh H không có thỏa thuận lãi. Sau đó SAWAD giữ lại Giấy chứng nhận đăng ký xe và giao xe cho anh H quản lý sử dụng.

Sau khi mua lại xe của SAWAD thì anh H không thực hiện được nghĩa vụ trả tiền hàng tháng cho SAWAD theo như hợp đồng mua bán xe đã ký kết. Nay SAWAD khởi kiện yêu cầu anh H phải trả lại chiếc xe mô tô nêu trên hoặc trả số tiền tính đến ngày 03/6/2025 là 125.817.492 đồng, trong đó: nợ gốc là 87.603.080,79 đồng; phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 38.214.411 đồng.

Chiếc xe mô tô BKS 34L1-03487 nhãn hiệu HONDA, loại SH là của anh H, đăng ký xe mang tên anh H, hiện nay vẫn mang tên anh H, giữa đại diện SAWAD và anh H chỉ ký kết Giấy bán xe và Hợp đồng mua bán xe đối với chiếc xe mô tô nêu trên, không ký kết hợp đồng chuyển nhượng được công chứng theo quy định của pháp luật. Số tiền thực tế anh H nhận được khi bán xe cho Công ty là 39.847.000 đồng. Khi anh H làm giấy bán xe cho Công ty thì hai bên chỉ lập giấy bán xe, không làm thủ tục sang tên, công chứng, nộp thuế theo quy định. Đồng thời khi Công ty và anh H lập Hợp đồng mua bán xe cũng không công chứng, chứng, chứng thực, không làm thủ tục sang tên theo quy định và cũng không nộp thuế sang tên tài sản là xe máy SH theo quy định.

Thực tế là anh H vay tiền của Công ty S1 39.847.000 đồng, chiếc xe mô tô trên vẫn là tài sản của anh H, SAWAD tiến hành thủ tục (hợp đồng mua bán xe, giấy bán xe) nêu trên chỉ nhằm mục đích bảo đảm số tiền cho vay. Nếu anh H không trả số tiền nêu trên thì SAWAD yêu cầu bàn giao xe, nếu anh H trả tiền vay cùng tiền lãi thì SAWAD sẽ trả lại đăng ký xe cho anh H.

Chiếc xe mô tô nêu trên vẫn do anh H đang quản lý, sử dụng. Anh H chưa trả cho Công ty số tiền gốc đã vay và tiền phí cũng chưa trả.

SAWAD tiến hành thủ tục nêu trên chỉ nhằm mục đích bảo đảm số tiền cho vay; nếu anh H không trả số tiền nêu trên thì SAWAD yêu cầu bàn giao xe, nếu anh H trả tiền vay cùng tiền phí thì SAWAD sẽ trả lại đăng ký xe cho anh H nên S và anh H không ký Hợp đồng cho vay, không thỏa thuận về lãi suất. Mặc dù anh H chỉ vay SAWAD 39.847.000 đồng và SAWAD xác định việc chuyển nhượng qua lại chiếc xe mô tô nêu trên là không đúng quy định của pháp luật nhưng SAWAD không thay đổi yêu cầu khởi kiện. Công ty S1 vẫn đề nghị Tòa án buộc anh H phải trả Công ty S1 tính đến ngày 03/6/2025 là 125.817.492

đồng, trong đó: nợ gốc là 87.603.080,79 đồng; phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 38.214.411 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh H không có mặt tại Tòa án để giải quyết công việc. Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh H theo quy định của Pháp luật nhưng anh H vẫn không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa:

Ông Bế Văn K, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như bản tự khai và biên bản lấy lời khai tại Tòa án;

Bị đơn anh Trần Xuân H đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật; Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 124; điều 166, điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Đề nghị tuyên xử:

- Tuyên bố: Hợp đồng mua bán xe ngày 07/02/2024 giữa anh Trần Xuân H và Công ty S1 là vô hiệu.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty S1:

+ Buộc anh Trần Xuân H phải thực hiện nghĩa vụ trả Công ty S1 số tiền 39.847.000 đồng.

+ Buộc Công ty S1 trả lại anh Trần Xuân Hải đăng K1 xe mô tô, xe máy số 34 000808 mang tên Trần Xuân H.

- Không chấp nhận yêu cầu của Công ty S1 về việc buộc anh H phải trả số tiền 85.970.492 đồng (tính đến ngày 03/6/2025).

3. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo hợp đồng dân sự nên quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn hiện đang cư trú và sinh sống tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã P, thành phố Hải Phòng) nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.3 Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 07/02/2024 Công ty S1 ký hợp đồng bán xe với anh Trần Xuân H, do anh H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 13/3/2025, SAWAD nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đảm bảo thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.4 Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Bế Văn K đề nghị xét xử vắng, bị đơn là anh Trần Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1 Xem xét về nội dung Giấy bán xe và Hợp đồng mua bán xe ngày 07/02/2024 giữa anh Trần Xuân H và Công ty S1*:*

Công ty S1 xác định Công ty S1 có cho anh H vay số tiền 39.847.000 đồng. Việc anh H ký giấy bán xe và hợp đồng mua bán xe giữa anh H và Công ty S1 chỉ nhằm mục đích đảm bảo khoản tiền vay chứ không phải anh H bán xe mô tô cho Công ty S1. Mặc dù anh H chỉ vay SAWAD 39.847.000 đồng và Công ty S1 xác định việc chuyển nhượng qua lại chiếc xe mô tô nêu trên là không đúng quy định của pháp luật nhưng SAWAD không thay đổi yêu cầu khởi kiện. Công ty S1 vẫn đề nghị Tòa án buộc anh H phải trả Công ty S1 tính đến ngày 03/6/2025 là 125.817.492 đồng, trong đó: nợ gốc là 87.603.080,79 đồng; phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 38.214.411 đồng.

Trên cơ sở sự thừa nhận của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp; có căn cứ xác định: Anh H vay 39.847.000 đồng của Công ty thông qua việc ngày 07/02/2024 anh H viết Giấy bán xe; để tính lãi vay, cũng trong ngày 07/02/2024 Công ty S1 đã lập Hợp đồng mua bán xe giữa Công ty và anh H với giá là 87.603.080,79 đồng + phí yêu cầu thanh toán tháng là 38.214.411 đồng và để đảm bảo cho việc trả tiền của anh H, Công ty đã giữ Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy của anh H. Việc Giấy bán xe cũng như Hợp đồng mua bán xe nêu trên không có số hợp đồng,

không được thông qua cơ quan có thẩm quyền, không được công chứng, chứng thực, không làm thủ tục chuyển quyền sở hữu và không nộp thuế cho Nhà nước theo quy định của Pháp luật; mục đích lập Giấy bán xe cũng như Hợp đồng mua bán xe qua lại ngay trong một ngày 07/02/2024 nêu trên nhằm che giấu việc vay tiền giữa Công ty S1 và anh H. Tại khoản 1 Điều 124 Bộ luật dân sự quy định:*"Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu".* Do vậy, có căn cứ xác định Giấy bán xe và Hợp đồng mua bán xe ngày 07/02/2024 giữa anh H và SAWAD là vô hiệu.

Tuy nhiên, đối với việc anh H vay 39.847.000 đồng của Công ty S1, theo quy định tại khoản 1 Điều 124 Bộ luật dân sự quy định *"Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực",* do giao dịch vay tiền của anh H với SAWAD là sự tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội cũng như không vi phạm về chủ thể và việc anh H thực tế đã nhận của Công ty S1 số tiền 39.847.000 đồng nên giao dịch vay tiền giữa anh H và công ty S1 vẫn có hiệu lực.

2.2 Nghĩa vụ hoàn trả:

Do xác định Giấy bán xe và Hợp đồng mua bán xe ngày 07/02/2024 giữa anh H và SAWAD là vô hiệu; xác định SAWAD chỉ cho anh H vay vay số tiền 39.847.000 đồng, không có việc anh H mua, nợ SAWAD số tiền theo Hợp đồng mua bán xe là 87.603.080,79 đồng + phí yêu cầu thanh toán tháng là 38.214.411 đồng, anh H vẫn là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng chiếc xe mô tô; SAWAD đang quản lý Giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe mô tô nêu trên mục đích bảo đảm khoản vay. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của SAWAD về việc buộc anh H trả lại xe hoặc trả Công ty SAWAD tính đến ngày 03/6/2025 là 125.817.492 đồng, trong đó: Nợ gốc là 87.603.080,79 đồng; phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 38.214.411 đồng.

Như đã phân tích ở trên, đối với giao dịch cho vay bị che giấu vẫn có hiệu lực nên có căn cứ buộc anh H phải trả SAWAD số tiền thực tế đã vay là 39.847.000 đồng.

Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 34 000808 (Biển số đăng ký: 34L1-034.87) mang tên Trần Xuân H, hiện do Công ty S1 quản lý, là Giấy tờ thuộc quyền quản lý, sở hữu hợp pháp của anh H, buộc Công ty cổ phần S1 TIỀN CÓ NGAY trả lại cho anh H.

Việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về yêu cầu lãi, phí đối với số tiền vay của Nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu anh H phải thanh toán phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 38.214.411 đồng và tiền lãi. Tuy nhiên như phân tích ở trên, Giấy bán xe và Hợp đồng mua bán xe là vô hiệu và thực tế chỉ có giao dịch vay tiền giữa anh H và Công ty S1, đồng thời tại các giao dịch này cũng như sự thừa nhận của nguyên đơn về việc không thỏa thuận lãi vay, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn anh H phải trả phí yêu cầu thanh toán tháng và tiền lãi là 85.970.492 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Trần Xuân H bị buộc phải có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.992.350 đồng (làm tròn số). Công ty S1 được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận (125.817.492 đồng - 39.847.000 đồng) x 5% = 4.298.525 đồng (làm tròn số);

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 điều 124; Điều 158, 166, 274, 278, 279, 280, 357, 466; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

2. Xử:

2.1/ Xác định: Giấy bán xe và Hợp đồng mua bán xe ngày 07/02/2024 giữa anh Trần Xuân H và Công ty cổ phần S1 Có Ngay, là vô hiệu.

2.2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1 Có Ngay: Buộc anh Trần Xuân H phải trả Công ty cổ phần S1 Có Ngay số tiền 39.847.000 đồng (ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3 / Buộc Công ty cổ phần S1 Có Ngay trả lại cho anh Trần Xuân H Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 34 000808, Biển số đăng ký: 34L1-034.87, mang tên Trần Xuân H.

2.4/ Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần S1 Có Ngay về việc buộc anh H phải bàn giao trả Công ty cổ phần S1 Có Ngay xe mô tô số 34 000808, Biển số đăng ký: 34L1-034.87 và trả tiền phí yêu cầu thanh toán tháng và tiền lãi là 85.970.492 đồng.

3. Về án phí:

- Công ty cổ phần S1 Có Ngay phải chịu 4.298.525 đồng án phí dân sự nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là 1.500.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 0006649 ngày 18/3/2025. Công ty cổ phần S1 Có Ngay phải tiếp tục nộp khoản tiền án phí còn thiếu là 2.798.525 đồng.

- Anh Trần Xuân H phải chịu 1.992.350 đồng án phí dân sự (Anh H chưa thực hiện nghĩa vụ nộp án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trung

Nơi gửi:
- *Các đương sự;*
- *VKSND khu vực 10, TP. Hải Phòng;*
- *THADS thành phố Hải Phòng;*
- *Lưu hồ sơ; Văn phòng Tòa án.*